TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/KDTM-ST
Ngày: 21-7-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc Vũ;

2. Bà Võ Thị Thanh Phương.

***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 5 năm 2020, ngày 14 tháng 7 năm 2020 và ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2019/TLST-KDTM ngày 15/8/2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất"* theo:

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST - KDTM ngày 02/3/2020, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 04/TB-TA ngày 23/3/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2020/QĐST-DS ngày 24/4/2020, Thông báo mở lại phiên tòa số 28/TB-MLPT ngày 11/5/2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2020/QĐST-DS ngày 28/5/2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 32/TB-MLPT ngày 22/6/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần X, trụ sở: Tháp BIDV, số 35 H, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Có ông Nguyễn Anh D đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1307/GUQ-BIDV.BAG ngày 09/9/2019).

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn V, địa chỉ: ấp T, xã R, huyện P, tỉnh An Giang. Có ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1968, chức vụ Giám đốc là đại diện theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty Cổ phần Lương thực C, địa chỉ: số 159, ấp C, xã B, huyện P, tỉnh An Giang. Có ông Bùi Văn T, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp Mỹ A, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 10/7/2020).

- Bà Bùi Kim L, nơi cư trú: Số 7C, đường 30/4, phường X, quận K, thành phố Cần Thơ; chỗ ở hiện nay: số 79, đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Ông Nguyễn Anh D, ông Nguyễn Văn D, ông Bùi Văn T và bà Bùi Kim L có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm lần đầu, Ngân hàng Thương mại cổ phần X (sau đây viết tắt là ngân hàng) do người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 09/12/2014, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần X– Chi nhánh Bắc An Giang và Công ty Trách nhiệm hữu hạn V (sau đây được viết tắt là cty V) ký Hợp đồng tín dụng số 01/2014/6680931/HĐTD và các Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2015/6680931/HĐTD ngày 16/01/2015, số 02/2015/6680931/HĐTD ngày 05/02/2015, số 03/2015/6680931/HĐTD ngày 08/6/2015, số 04/2015/6680931/HĐTD ngày 08/7/2015, số 05/2015/6680931/HĐTD ngày 07/8/2015.

Nội dung hợp đồng thỏa thuận: Cty V vay của ngân hàng số tiền 24.700.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng (từ ngày 09/12/2014 đến ngày 09/12/2019); mục đích vay để đầu tư thực hiện dự án mua bán, nâng cấp và xây dựng nhà máy sấy khô, bảo quản chế biến lúa; lãi suất vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.

Để đảm bảo khoản vay, cty V đã thế chấp tài sản cho ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số 01/2015/6680931/HĐBĐ ngày 11/02/2015 và Hợp đồng thế chấp số 01/2015/6680931/HĐBĐ ngày 08/9/2015. Tài sản thế chấp gồm:

Quyền sử dụng đất diện tích 4.500,3m^2, tọa lạc tại ấp Vĩnh Thuận, xã Vĩnh Thạnh Trung, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04984 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú cấp cho ông Quách Văn L và bà

Nguyễn Thị Ánh N ngày 22/9/2011, tại trang bổ sung có ghi nhận ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Kim L nhận chuyển nhượng của ông L, bà N ngày 20/01/2015. Tài sản này, ông D và bà L đã góp vốn vào cty V, có xác nhận của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Phú ký ngày 10/02/2015. Và tài sản gắn liền diện tích đất nêu trên là nhà kho chuyên dùng và toàn bộ máy móc thiết bị của cty V gồm: Hệ thống sấy và bóc vỏ, hệ thống lau bóng và tách màu.

Quá trình thực hiện hợp đồng, cty V có trả vốn, lãi nhưng không thực hiện đầy đủ. Tính đến ngày 25/01/2017, cty V còn nợ ngân hàng vốn 21.885.046.387 đồng, lãi trong hạn 4.064.751.281 đồng, lãi quá hạn 408.318.917 đồng.

Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu cty V có trách nhiệm phải trả vốn, lãi tổng cộng 26.358.116.584 đồng và tiền lãi quá hạn sau ngày 25/01/2017 với lãi suất các bên đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong; yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án.

Theo Biên bản lấy lời khai, ông Nguyễn Văn D là đại diện hợp pháp của cty V trình bày:

Thống nhất như ý kiến của ngân hàng về hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản. Cty V đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, đồng ý trả nợ vay và đồng ý duy trì hợp đồng thế chấp. N yêu cầu ngân hàng gia hạn đến ngày 30/9/2018 sẽ trả vốn gốc và một phần nợ lãi, yêu cầu ngân hàng giảm một phần nợ lãi.

Vụ án được Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc thụ lý sơ thẩm và xét xử. Theo Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2018/KDTM-ST ngày 26/10/2018, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng.

Ngày 09/11/2018, cty V kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm do theo Phụ lục hợp đồng, ngân hàng đồng ý cho cty V gia hạn trả nợ đến ngày 30/6/2018 nhưng ngày 20/3/2018, ngân hàng khởi kiện là thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện khởi kiện; ngân hàng đã đồng ý cho cty V chuyển nhượng toàn bộ tài sản thế chấp cho cty C vào ngày 19/9/2017 nhưng Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc thụ lý, xét xử là không phù hợp pháp luật.

Theo Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 04/2019/KDTM-PT ngày 15/7/2019, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang tuyên xử hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2018/KDTM-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc do chưa đưa Công ty Cổ phần Lương thực C (sau đây viết tắt là cty C) tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc giải quyết lại vụ án theo thủ thụ sơ thẩm.

Ngày 15/8/2019, Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc thụ lý sơ thẩm vụ án.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ngày 28/5/2020,

ngày 14/7/2020, đại diện hợp pháp của ngân hàng trình bày: Giữ nguyên nội dung khởi kiện đã trình bày về hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp.

Do cty V có nhu cầu bán tài sản thế chấp cho cty C nên ngày 19/9/2017, ngân hàng đã có Thông báo số 1360/TB-BIDV.BAG ngày 19/9/2017, chấp thuận cho 02 bên thực hiện chuyển nhượng với điều kiện: Việc thanh toán phải được thực hiện bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản của cty V mở tại ngân hàng – chi nhánh Bắc An Giang để ngân hàng thu hồi các khoản nợ của cty V; sau khi cty V thanh toán đầy đủ nợ gốc, lãi cho ngân hàng thì ngân hàng sẽ giải chấp để các bên thực hiện thủ tục sang tên chuyển nhượng; trường hợp các bên không thực hiện hợp đồng chuyển nhượng vì bất cứ lý do gì thì thông báo chấp thuận của ngân hàng sẽ hết hiệu lực.

Ngày 19/9/2017, cty V và cty C ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng và tài sản gắn liền với đất và Phụ lục hợp đồng ngày 13/6/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng, cty C chỉ chuyển vào tài khoản của cty V tiền cọc 500.000.000 đồng nhưng cty V đã rút ra để thanh toán nợ riêng.

Do cty V và cty C không thực hiện đúng thỏa thuận về việc thanh toán nên ngày 09/9/2019, ngân hàng khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 19/9/2017 và Phụ lục hợp đồng ngày 13/6/2018 được ký kết giữa cty C với cty V, do dã hết thời hạn thanh toán và các bên đã không thực hiện theo các điều khoản, điều kiện của hợp đồng.

Tại phiên tòa ngày 14/7/2020, đại diện hợp pháp của ngân hàng rút lại yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 19/9/2017 và Phụ lục hợp đồng ngày 13/6/2018 được ký kết giữa cty C với cty V.

Ngân hàng yêu cầu cty V có trách nhiệm trả cho ngân hàng vốn 21.885.046.387 đồng, lãi trong hạn 128.804.045 đồng (tính từ ngày 22/12/2014 đến ngày 11/4/2016), lãi quá hạn 11.232.706.992 đồng (tính từ ngày 12/4/2016 đến ngày 14/7/2020) và tiền lãi phát sinh sau ngày 14/7/2020 theo lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong; khi cty V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo quyết định của Tòa án thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Theo Biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ngày 28/5/2020, đại diện hợp pháp của cty V có lời khai: Ngày 19/9/2017, giữa cty V và cty C có ký kết hợp đồng chuyển nhượng và phụ lục hợp đồng ngày 13/6/2018 như nội dung ngân hàng đã trình bày. Theo đó, các bên thỏa thuận giá chuyển nhượng 40 tỷ; ngày 22/9/2017 trả 500.000.000 đồng (tiền cọc), số tiền còn lại trả trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hợp đồng chuyển nhượng được công chứng. Quá trình thực hiện hợp đồng, cty C chỉ thanh toán cho V 4,5 tỷ đồng (trong đó có 500 triệu đồng đặt cọc được chuyển vào tài khoản của cty V nhưng cty V đã rút ra để thanh

toán việc riêng, 04 tỷ đồng giao tiền mặt) và ngưng thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho đến nay.

Ngày 14/6/2018, ngân hàng đã tự ý tiếp nhận tài sản mà cty V đã ký kết chuyển chuyển cho cty C và giao lại cho cty C khai thác khoảng 02 tháng. Sau đó, ngân hàng tiếp quản lại tài sản cho đến nay, làm giảm giá trị tài sản so với thời điểm chuyển nhượng đã thẩm định và thất thoát tài sản. Vì vậy, cty V đồng ý thanh toán toàn bộ vốn vay cho ngân hàng và tiền lãi tính đến ngày 14/6/2018 nhưng với điều kiện ngân hàng phải nhận tài sản thế chấp với giá 36 tỷ đồng (đã khấu trừ số tiền 4 tỷ đồng cty C đã thanh toán cho cty V. Không khấu trừ số tiền 500.000.000 đồng tiền đặt cọc do cty C vi phạm nghĩa vụ thanh toán) để khấu trừ vốn vay và lãi, phần còn dư ngân hàng phải hoàn trả lại cho cty V.

Đồng thời, yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản cty V đã chuyển nhượng cho cty C.

Tại phiên tòa ngày 28/5/2020 và ngày 14/7/2020, đại diện hợp pháp của ngân hàng đều trình bày: Không thừa nhận việc cty V cho rằng ngân hàng đã tự ý tiếp quản tài sản của cty V để giao lại cho cty C vào ngày 14/6/2018 dẫn đến làm giảm giá trị, thất thoát tài sản của cty V. Theo xác nhận của địa phương thì cty V đã ngừng hoạt động, đóng cửa nhà máy, không ai quản lý, trông coi nên từ ngày 29/8/2018 cho đến nay, ngân hàng đã thuê bảo vệ để bảo quản nhà máy là tài sản mà ngân hàng nhận thế chấp để tránh thất thoát.

Do tại phiên tòa ngày 28/5/2020, cty V cho rằng ngân hàng đã tự ý tiếp quản tài sản của cty V chuyển nhượng cho cty C gây thiệt hại và yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản chuyển nhượng. Nên Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập chứng cứ.

Trong thời gian tạm ngừng phiên tòa, Tòa án đã ban hành Thông báo số 25/2020/QĐ-CCCC ngày 28/5/2020, yêu cầu cty V xác định giá trị tài sản bị thiệt hại do hành vi tự ý tiếp quản tài sản của cty V làm giảm giá trị; giao nộp chứng chứng, chứng minh và nộp tạm ứng án phí. Tuy nhiên, cty V không thực hiện, cũng không cung cấp ý ý trình bày lý do.

Tại phiên tòa ngày 14/7/2020,

Đại diện hợp pháp của cty V giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại phiên tòa ngày 28/5/2020 và thừa nhận không thanh toán vốn và lãi đúng như ngân hàng trình bày. Lý do không thanh toán là do cty V đã giao tài sản thế chấp cho ngân hàng từ ngày 14/6/2018. Đồng thời, không tranh chấp đối với hợp đồng chuyển nhượng giữa cty V với cty C, thống nhất ý kiến của cty C tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng nhưng nếu cty C không thực hiện thì ngân hàng phải thực hiện thay.

Bà Bùi Kim Loan có lời khai thống nhất với ý kiến của đại diện cty V.

Đại diện theo ủy quyền của cty C ông Bùi Văn T trình bày: Giữa cty C và cty V có ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền

với đất vào ngày 19/9/2017 và phụ lục hợp đồng ngày 13/6/2018. Sau khi ký kết, ngân hàng đã giao tài sản chuyển nhượng cho cty C tiếp nhận mặc dù cty C chưa thanh toán đủ cho cty V. Sau 02 tháng thì ngân hàng tiếp nhận lại tài sản cho đến nay. Ngoài lời khai, cty C không có tài liệu nào chứng minh ngân hàng đã giao tài sản của cty V cho mình. Nay, cty C yêu cầu được tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng ngày 19/9/2017 và phụ lục hợp đồng ngày 13/6/2018 với cty V.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không có mặt đầy đủ để thỏa thuận.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

***** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 BLTTDS. Xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 BLTTDS năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc gửi Văn vản cho Viện kiểm sát và tống đạt cho đương sự đúng theo quy định.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong quá trình giải quyết, các đương đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

* Về giải quyết vụ án:

Hợp đồng tín dụng số 01/2014/6680931/HĐTD ngày 09/12/2014 giữa ngân hàng với cty V được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, phù hợp quy định pháp luật, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, phía cty V vi phạm nghĩa thanh toán, còn nợ ngân hàng 21.885.046.387 đồng vốn và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết. Do đó, việc ngân hàng khởi kiện yêu cầu cty V phải trả cho ngân hàng số tiền vốn 21.885.046.387 đồng vốn và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, các Điều 463, 466, 468 BLDS.

Việc ngân hàng yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp theo các hợp đồng đã thế chấp để thu hồi nợ, thấy rằng khi bản án có hiệu lực pháp luật ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Đối với việc ngân hàng yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất giữa cty V và cty C.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng đã rút yêu cầu nên căn cứ Điều 244 BLTTDS đề nghị HĐXX đình chỉ.

Đối với việc Công ty V yêu cầu ngân hàng thay cty C thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất ngày 19/9/2017 và phụ lục hợp đồng ngày 13/6/2018 được ký kết giữa Công ty V và Công ty C và yêu cầu nhận lại phần còn dư, yêu cầu trả lãi từ ngày 14/6/2018 đến khi thanh toán xong vì cho rằng Ngân hàng đã tiếp quản tài sản từ Công ty V bàn giao cho Công ty C. Bên cạnh đó, Công ty V còn cho rằng quá trình tiếp quản Công ty V, Ngân hàng đã làm thất thoát và giảm giá trị tài sản của Công ty nên yêu cầu bồi thường. Xét thấy, mặc dù Ngân hàng có văn bản đồng ý cho Công ty V chuyển nhượng tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng mục đích là để Ngân hàng thu hồi nợ. Còn việc ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất giữa Công ty V và Công ty cổ phần lương thực C trên cơ sở tự thỏa thuận giữa Công ty V với Công ty lương thực C. Việc Công ty lương thực C vi phạm nghĩa vụ thanh toán dẫn đến Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất không thực hiện được, không có lỗi từ phía Ngân hàng, nên việc Công ty V yêu cầu Ngân hàng thay Công ty lương thực Châu Phú thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được ký kết giữa Công ty V và Công ty cổ phần lương thực C, yêu cầu nhận lại phần chênh lệch và tiền lãi từ ngày 14/6/2018 đến khi thanh toán xong và yêu cầu bồi thường thất thoát tài sản không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, ngoài lời khai thì Công ty V không cung cấp chứng cứ khác chứng minh việc ngân hàng tiếp quản Công ty V và làm thất thoát tài sản, và không nộp tạm ứng án phí.

Đối với việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được ký kết giữa Công ty V và Công ty cổ phần lương thực C, do các bên không tranh chấp nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp Hợp đồng tín dụng số 01/2014/6680931/HĐTD ngày 09/12/2014. Tại điểm b Điều 10 của Hợp đồng các bên thỏa thuận khi phát sinh tranh chấp, thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc giải quyết. Căn cứ quy định tại Điều 30, Điều 35 và

Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc thụ lý, giải quyết là đúng quy định.

[2] Về quyền khởi kiện của nguyên đơn:

Cty V thừa nhận có ký kết hợp đồng tín dụng nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng vốn và lãi định kỳ hàng tháng như đã thỏa thuận. Căn cứ điểm d, điểm e khoản 5 Điều 9; điểm a, điểm e khoản 1, khoản 2 Điều 10 của Điều khoản và điều kiện vay đính kèm Hợp đồng tín dụng số 01/2014/6680931/HĐTS ngày 09/12/2014 thì cty V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ làm ảnh hưởng quyền và lợi ích của ngân hàng nên đủ điều kiện để ngân hàng khởi kiện cty V. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc thụ lý đơn khởi kiện của ngân hàng là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 01/2014/6680931/HĐTD ngày 09/12/2014 và 05 Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01, 02, 03, 04, 05 được ký kết giữa cty V với ngân hàng trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo các hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung đã ký kết.

[4] Xác định trách nhiệm thanh toán:

Đối chiếu lời khai thống nhất của đại diện hợp pháp của ngân hàng và cty V, cùng các tài liệu, chứng cứ do ngân hàng cung cấp, có cơ sở xác định, cty V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán vốn lãi theo định kỳ hàng tháng cho ngân hàng, tính đến ngày 14/7/2020, cty V còn nợ ngân hàng vốn gốc 21.885.046.987 đồng.

Về lãi, mặc dù cty V không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của ngân hàng, chỉ đồng ý trả lãi đến ngày 14/6/2018 nhưng thống nhất về lãi suất các bên đã thỏa thuận.

Đối chiếu, khoản 6 Điều 8, Điều 10 Điều khoản và điều kiện vay đính kèm Hợp đồng tín dụng số 01/2014/6680931/HĐTS ngày 09/12/2014 thì cty V đã vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi theo định kỳ như đã thỏa thuận nên phải có trách nhiệm trả toàn bộ vốn vay và lãi kể từ ngày phát sinh lãi chưa thanh toán đến khi thanh toán xong theo lãi suất đã thỏa thuận. Thỏa thuận này giữa các bên là phù hợp với quy định pháp luật. Vì vậy, ngân hàng khởi kiện yêu cầu cty V trả vốn 21.885.046.987 đồng, nợ lãi trong hạn lãi trong hạn 128.804.045 đồng (tính từ ngày 22/12/2014 đến ngày 11/4/2016), lãi quá hạn 11.232.706.992 đồng (tính từ ngày 12/4/2016 đến ngày 14/7/2020) và tiền lãi phát sinh sau ngày 14/7/2020 theo lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong là có cơ sở chấp nhận.

[5] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu cty V không thanh toán nợ hoặc thanh toán đầy đủ, ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế số 01/2015/6680931/HĐBĐ ngày 11/02/2015 và Hợp đồng thế chấp số 01/2015/6680931/HĐBĐ ngày 08/09/2015 được ký kết giữa ngân hàng và cty V để thu hồi nợ.

[6] Về các yêu cầu của cty V:

Đối với ý kiến cty V cho rằng, từ ngày 14/6/2018 (ngày tiếp theo ngày cty V và cty C ký kết phụ lục hợp đồng chuyển nhượng) thì ngân hàng đã tự ý tiếp nhận tài sản chuyển nhượng (cũng là tài sản thế chấp) để giao cho cty C khai thác trong khi cty C chưa thanh toán đủ theo hợp đồng, sau 02 tháng thì ngân hàng lấy lại tài sản và tiếp quản cho đến nay, làm giảm giá trị, thất thoát tài sản so với thời điểm thẩm định để chuyển nhượng cho cty C, nên cty V đồng ý thanh toán vốn gốc và lãi với lãi suất đã thỏa thuận tính đến ngày 14/6/2018, đồng ý để ngân hàng xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp nhưng ngân hàng phải nhận tài sản với giá 36 tỷ đồng (đã khấu trừ 04 tỷ đồng cty C đã thành toán), sau khi khấu trừ nợ của cty V, ngân hàng phải có trách nhiệm hoàn trả chênh lệch cho cty V. Cty V không tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng với cty C, đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng nhưng nếu cty C không thực hiện thì ngân hàng phải thực hiện thay:

Xét, *thứ nhất*, mặc dù ngân hàng có văn bản đồng ý cho cty V chuyển nhượng tài sản thế chấp cho cty C, nhưng việc chuyển nhượng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện giữa cty V và cty C, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Nên việc cty C không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận là lỗi của cty C, không thuộc trách nhiệm của ngân hàng. *Thứ hai,* cty V cho rằng do ngân hàng tự ý tiếp quản tài sản thuộc quyền sở hữu của cty V, không cho cty V vào quản lý, làm giảm giá trị, thất thoát tài sản và buộc ngân hàng phải có trách nhiệm đối với khoản thiệt hại thì đây là tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, không liên quan đến hợp đồng tín dụng được ký kết giữa ngân hàng với cty V. *Thứ ba*, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo yêu cầu cty V xác định giá trị thiệt hại và nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo quy định để Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu trên của cty V, nhưng cty V không thực hiện và không cung cấp ý kiến cho Tòa án. Nên Tòa án không thụ lý, xem xét giải quyết. *Thứ tư*, lời khai của đại diệp hợp pháp của cty V không được ngân hàng thừa nhận; ngoài lời khai, cty V không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ngân hàng đã tiếp quản tài sản từ ngày 14/6/2018.

Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khấu trừ nợ và yêu cầu chỉ tính lãi đến ngày 14/6/2018 của cty V.

[7] Nguyên đơn tự nguyện rút lại yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng ngày 19/9/2017 và phụ lục hợp đồng ngày 13/6/2018. Xét, đình chỉ giải quyết yêu cầu.

[8] Vấn đề khác:

Tại phiên tòa ngày 14/7/2020, nguyên đơn rút lại yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng ngày 19/9/2017 và phụ lục hợp đồng ngày 13/6/2018; bị đơn và đại diện hợp pháp của cty C thống nhất tiếp tục thực hiện hợp đồng. Nên đối với hợp đồng chuyển nhượng ngày 19/9/2017 và phụ lục hợp đồng ngày 13/6/2018 các đương sự đều không tranh chấp trong vụ án này. Vì vậy, để đảm bảo giới hạn xét xử không vượt quá phạm vi khởi kiện, yêu cầu của các đương sự, Tòa án không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, trong giai đoạn thi hành án, nếu có phát sinh tranh chấp, các đương sự vẫn có quyền khởi kiện tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

[9] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu kiện và rút lại yêu cầu khởi kiện bổ sung nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả toàn bộ tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[10] Về quyền kháng cáo:

Tại phiên tòa ngày 21/7/2020 (tuyên án), ông Dũng là đại diện theo pháp luật của cty V và bà Loan vắng mặt, bà Loan có cung cấp Đơn xin vắng mặt ngày 21/7/2020 với lý do ông Nguyễn Văn Dũng bị bệnh. Tại phiên tòa, con ông Dũng, bà Loan trình bày: Do ông Dũng bị bệnh bất ngờ, không thể thực hiện ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng, bà Loan là vợ, là người trực tiếp chăm sóc ông Dũng nên cả ông Dũng, bà Loan đều không thể đến tham dự phiên tòa ngày 21/7/2020.

Xét, thực tế qua tham dự phiên tòa vào các ngày 28/5/2020 và 14/7/2020, nhận thấy ông Dũng, bà Loan đều có mặt; ông Dũng có tinh thần minh mẫn, ý chí trong lời khai rõ ràng nhưng có biểu hiện của bệnh; bà Loan (vợ) là người trực tiếp chăm sóc bệnh cho ông Dũng. Đến ngày tuyên án (ngày 21/7/2020), mặc dù ngoài đơn yêu cầu, bà Loan không cung cấp được tài liệu chứng minh ông Dũng bệnh dẫn đến không thể tham dự phiên tòa. Tuy nhiên, lời trình bày của Loan và trình bày của con ông Dũng, bà Loan là phù hợp với thực tế, có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, việc vắng mặt nghe tuyên án của bà Loan và ông Dũng được xem là có lý do chính đáng, nên thời hạn kháng cáo của cty V (có ông Nguyễn Văn Dũng là người đại diện theo pháp luật) và bà Loan là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 463, 466, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, Điều

273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu Lương Thực V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X:

- Tiền lãi: *11.361.511.037 (mười một tỷ, ba trăm sáu mươi một triệu, năm trăm mười một nghìn, không trăm ba mươi bảy) đồng*. Trong đó, lãi trong hạn 128.804.045 (một trăm hai mươi tám triệu, tám trăm linh bốn nghìn, không trăm bốn mươi lăm) đồng; lãi quá hạn 11.232.706.992 (mười một tỷ, hai trăm ba mươi hai triệu, bảy trăm linh sáu nghìn, chín trăm chín mươi hai) đồng.

- Vốn gốc: *21.885.046.387 đồng (hai mươi mốt tỷ, tám trăm tám mươi lăm triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn, ba trăm tám mươi bảy) đồng*.

Kể từ ngày 15/7/2020, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu Lương Thực V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/6680931/HĐTD và các Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2015/6680931/HĐTD ngày 16/01/2015, số 02/2015/6680931/HĐTD ngày 05/02/2015, số 03/2015/6680931/HĐTD ngày 08/6/2015, số 04/2015/6680931/HĐTD ngày 08/7/2015, số 05/2015/6680931/HĐTD ngày 07/8/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu Lương Thực V không thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X thì Ngân hàng Thương mại cổ phần X có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/2015/6680931/HĐBĐ ngày 11/02/2015 và Hợp đồng thế chấp số 01/2015/6680931/HĐBĐ ngày 08/9/2015 để thu hồi nợ.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần X về việc yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 19/9/2017 và Phụ lục hợp đồng ngày 13/6/2018 được ký kết giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu Lương Thực V với Công ty cổ phần lương thực C.

<u>Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm</u>:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu Lương Thực V phải chịu *141.246.557 (một trăm bốn mươi một triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm năm mươi bảy) đồng* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần X không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X:

- Số tiền *67.179.000 (sáu mươi bảy triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn) đồng* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số TU/2015/0015147 ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

- Số tiền *300.000 (Ba trăm nghìn) đồng* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số TU/2015/0003333 ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng Thương mại cổ phần X và Công ty cổ phần lương thực C có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu Lương Thực V và bà Bùi Kim L là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND TP (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TP (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Đức